

Bản án số: 168/2021/DS-ST

Ngày: 08 - 7 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2016/TLST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2016, về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-DS ngày 21/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2021/QĐST-DS ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Hoài T; sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 958/54/17/4 đường Q, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T; Địa chỉ: Số 89 đường T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền số công chứng 022589 ngày 19/8/2016).

*2. Bị đơn:* 2.1. Bà Phạm Thị Thu V; sinh năm 1959

2.2. Bà Lê Thị Mỹ L; sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số 17 đường Đ, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Hoài T có ông Đặng Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 24/3/2016 bà Phạm Thị Thu V và con dâu là bà Lê Thị Mỹ L có vay của bà Đặng Thị Hoài T số tiền 500.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/1 tháng. Hai bên có lập giấy nhận tiền. Đến ngày 24/4/2016 bị đơn có

vay thêm 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà V và bà L đã vay là 550.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay bà V và bà L không trả tiền vốn và tiền lãi cho bà T như thỏa thuận mặc dù bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán. Bà T cũng đã nhờ đến sự can thiệp của Văn phòng luật sư Bnhung từ khi nhận được thông báo của Văn phòng luật sư bị đơn vẫn không thanh toán số tiền nợ vốn và lãi nêu trên. Hiện nay phía bị đơn không còn cư trú tại địa phương, bỏ đi đâu không rõ mà không thông báo địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn.

Ngày 14/6/2021 ông T có văn bản “đơn trình bày ý kiến” với nội dung “tại Đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà V và bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số nợ gốc là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Mặc dù khi vay mượn tiền chính bà V, bà L cùng thống nhất đồng ý sẽ trả lãi cho bà T với mức lãi suất 2% tháng, thực tế bà V, bà L đã trả lãi được 2 tháng (tháng 03 và tháng 04 năm 2016) với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên khi bị kiện ra tòa thì bà V, bà L không thừa nhận mức lãi suất 2% tháng. Do các bên thỏa thuận về lãi suất bằng miệng, không lập văn bản và phía bị đơn phủ nhận, nên việc tính tiền lãi và nợ gốc tại Đơn khởi kiện là chưa phù hợp. Nay bà T xác định lãi suất của tháng 03, 04/2016 là 8.250.000đ (lãi suất một tháng là 4.125.000đ). Như vậy, sau khi trừ tiền lãi 8.250.000đ của tháng 03, 04/2016 trong số tiền 30.000.000đ bà V, bà L trả lãi trước đó, số tiền bà T yêu cầu bà V và bà L trả nợ cụ thể như sau: Buộc bà V và bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật với số tiền gốc là 528.250.000đ (Năm trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 25 tháng 05 năm 2016 cho đến ngày xét xử”.

Ông T xác nhận số tiền mà bà T cho bà Phạm Thị Thu V, bà Lê Thị Mỹ L vay là tiền riêng của bà T không liên quan đến người khác.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà V và bà L có trách nhiệm liên đới thực hiện trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ.

*Theo bản tự khai đề ngày 08/11/2016, bị đơn bà Phạm Thị Thu V trình bày:*  
“Xác nhận có viết giấy nhận tiền cho con dâu giao dịch đối với bà Đặng Thị Hoài T và Lê Thị Mỹ L số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu chẵn) (nhưng vì con dâu không biết chữ) tôi là người lớn vai vế là má chồng chỉ chứng kiến cho việc làm ăn này nên dì nói viết cho có hình thức thôi. Nay con dâu tôi làm ăn thất bại chỉ trả được 50.000.000 (năm mươi triệu) Dì không đồng ý khởi kiện ra tòa. Tôi cũng xin pháp luật hoàn cảnh con dâu tôi rất khó khăn nuôi hai con nhỏ việc làm chưa ổn định xin được trả hoàn vốn (không trả lãi)”.

*Theo bản tự khai đề ngày 08/12/2016, bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:*  
“Xác nhận có vay của bà Đặng Thị Hoài T số tiền là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn) làm ăn nhưng thất bại không có khả năng chi trả. Tuy nhiên trước đó tôi có chi trả cho bà Đặng Thị Hoài T là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn) mà bà T là Dì ruột của tôi. Nay vì tôi làm ăn thất bại hoàn cảnh rất là khó khăn, việc làm trắng tay chưa ổn định cầu xin pháp luật Tòa án và Dì T cho tôi được chi trả theo khả năng làm việc thu nhập của tôi. Tôi xin không trả lãi mà trả vốn thôi cho Dì 1 tháng 2.000.000 đồng theo thu nhập vì tôi còn nuôi hai con

nhỏ và tôi cũng nói thêm vì không biết chữ nên tôi có nhờ má chồng là người lớn đứng viết giấy nhận tiền giùm tôi và làm chứng cho hai bên Dì T và tôi giao dịch. Xin quý Tòa đề tôi tự nhận trách nhiệm tiền vay này, má chồng tôi chỉ liên quan chứng kiến”.

Tòa án đã triệu tập bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn xin xác nhận đề ngày 01/11/2016, Công an Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “Đ/s Phạm Thị Thu V và Lê Thị Mỹ L hiện đang thực tế cư trú tại số 17 Đường H, Phường M, Quận A”; Ngày 08/11/2016 bà V có mặt tại Tòa án để tự khai, ngày 08/12/2016 bà V và bà L có mặt tại Tòa án để tự khai và nộp cho Tòa án bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu của nhà số 17 đường Đ, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/01/2021: “Đ/s Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1986 có HKTT tại 17 Đường H, Phường M, Quận A. Nhưng gia đình đã bán nhà đi từ năm 2016. Hiện không còn ai như yêu cầu xác minh cư trú tại địa chỉ trên (không rõ đi đâu)”. Đại diện nguyên đơn cũng xác định hiện bà V và bà L bỏ đi đâu không rõ mà không thông báo địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án xác định địa chỉ số 17 đường Đ, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L theo quy định tại Khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án.

Tòa án đã ban hành quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử nhưng phía nguyên đơn từ chối đăng thông báo theo yêu cầu của Tòa án và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định.

Bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ về thời gian tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo Điều 207, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho bà V và bà L về thời gian tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Do nguyên đơn xác nhận số tiền mà bà T cho bà V và bà L vay là tiền riêng của bà T không liên quan đến người khác và chỉ yêu cầu bà V, bà L có trách nhiệm liên đới thực hiện trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ nên Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, do bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật dân sự: Căn cứ giấy nhận tiền ngày 24/3/2016 và bị đơn xác nhận bà Lê Thị Mỹ L có vay của bà Đặng Thị Hoài T số tiền là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) thì đây là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà V và bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật với số tiền gốc là 528.250.000đ (Năm trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 25 tháng 05 năm 2016 cho đến ngày xét xử.

[4.1]. Xét, nguyên đơn cho rằng bà có cho bà Phạm Thị Thu V và con dâu là bà Lê Thị Mỹ L vay số tiền 500.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/1 tháng vào ngày 24/3/2016. Đến ngày 24/4/2016 vay thêm 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà V và bà L đã vay là 550.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên không lập hợp đồng vay tiền mà chỉ lập giấy nhận tiền với nội dung: bà "*Phạm Thị Thu V có nhận số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu chẵn) cho con dâu là =Lê Thị Mỹ L đồng trả số tiền trên của dì Đặng Thị Hoài T. Sẽ hoàn trả nợ nhanh càng sớm càng tốt cho Dì T một cách sớm nhất*". Tại bản tự khai ngày 08/11/2016 bà V thừa nhận bà có viết giấy nhận tiền cho con dâu giao dịch đối với bà Đặng Thị Hoài T với số tiền vay là 500.000.000 đồng (vì con dâu không biết chữ) để bà L làm ăn. Tại bản tự khai đề ngày 08/12/2016, bà L cũng thừa nhận có vay của bà Đặng Thị Hoài T số tiền là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) để làm ăn. Như vậy, nguyên đơn cho rằng bà cho bà V và bà L vay tổng số tiền là 550.000.000 đồng, còn bị đơn thừa nhận số tiền đã vay nhưng đây là số tiền bà L vay của bà Thu, bà V chỉ là người đứng ra viết giấy nhận tiền cho bà Lê, bà V chỉ

là người chứng kiến sự việc. Tuy nhiên, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho lời trình bày của mình và đây là giao dịch dân sự do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có căn cứ để xác định bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L có vay của bà Đặng Thị Hoài T tổng số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Bà L trình bày bà có chi trả cho bà T là 50.000.000 đồng nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh số tiền đã thanh toán là bao nhiêu. Nay vì bà làm ăn thất bại hoàn cảnh rất là khó khăn, không có việc làm ổn định nên xin được chi trả theo khả năng là không trả lãi mà chỉ trả vốn mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà L cũng tự nhận trách nhiệm trả số tiền vay, không liên quan đến bà V . Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận việc bà L thanh toán số tiền 50.000.000 đồng mà cho rằng từ khi vay bà V , bà L chỉ trả tiền lãi được 2 tháng (là tháng 03 và tháng 04 năm 2016) với tổng số tiền là 30.000.000 đồng sau đó thì nhưng thanh toán. Do số tiền này vượt quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định (9%/năm) nên số tiền vượt quá được trừ vào số tiền nợ vốn. Sau khi trừ đi tiền lãi của hai tháng là 8.250.000đ (lãi suất một tháng là 4.125.000 đồng) thì số tiền vốn gốc còn lại là 528.250.000 đồng. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán số tiền đã vay cho nguyên đơn mà bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm và cho nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập đương sự đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có căn cứ để xác định bà L đã thanh toán cho bà T số tiền 50.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới phải thanh toán số tiền vốn gốc còn lại là 528.250.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 25/5/2016 cho đến ngày xét xử. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” nên yêu cầu thanh toán tiền lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi bà V và bà L phải thanh toán cho bà T từ ngày 25/5/2016 đến ngày xét xử (ngày 08/7/2021) với lãi suất 10%/năm như sau:

$528.250.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times (05 \text{ năm} + 01 \text{ tháng} + 13 \text{ ngày}) = 270.434.652 \text{ đồng}.$

Tổng vốn và lãi:  $528.250.000 \text{ đồng} + 270.434.652 \text{ đồng} = 798.684.652 \text{ đồng}.$

Nguyên đơn cam kết số tiền mà bà cho bà V và bà L vay là tài sản của riêng của bà T không liên quan đến người khác và chỉ yêu cầu bà V , bà L có trách

nhiệm liên đới thực hiện trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ. Do đó, buộc bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đặng Thị Hoài T tổng số tiền vốn và lãi tính từ ngày 25/5/2016 đến ngày 08/7/2021 là 798.684.652 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm năm mươi hai đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 469 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13.

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hoài T.

- Buộc bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán một lần tổng số tiền vốn và lãi tính từ ngày 25/5/2016 đến ngày 08/7/2021 là 798.684.652 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm năm mươi hai đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó, tiền nợ vốn là 528.250.000 đồng và tiền lãi suất là 270.434.652 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu V và bà Lê Thị Mỹ L phải chịu số tiền án phí là 35.947.386đ (ba mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm tám mươi sáu đồng).

Bà Đặng Thị Hoài T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T là 13.880.000đ (mười ba triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AC/2014/ 0009312 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Tiến**